

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 80c/2024/DS-PT

Ngày: 02 - 02 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình

Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2023/TLPT-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DSST, ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2024/QĐ-PT, ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Xuân D. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T. Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Chí K. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.2. Công ty TNHH W. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Quốc T1 – Chức vụ: Phó tổng giám đốc (Vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Quang T.

5. *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Xuân D trình bày:

Năm 1988 ông Vũ Xuân D được tiếp nhận vào làm công nhân thuộc đội xung kích của Lâm trường W. Năm 1990 ông D có đơn xin cấp đất làm nhà ở và được Lâm trường chấp nhận do ông Vương Hoàng T2 phó giám đốc Lâm trường lúc bấy giờ ký phê duyệt việc cấp đất.

Diện tích đất ông D được giao có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất ông Võ Văn S;
- Phía tây giáp đường đi tiêu đoàn 3xx (hiện là quốc lộ B);
- Phía nam giáp đất ông Lữ Văn T3 (đã sang nhượng);
- Phía bắc giáp đất bà Ngô Thị H (đã sang nhượng cho ông H1, bà T4).

Diện tích đất được giao 301,5 m² hiện nay là thửa đất số 03 tờ bản đồ số 52.

Tại thời điểm được giao đất, khu vực này là đất rừng muông.

Kể từ thời điểm được giao đất ông D đã tiến hành trồng điều và dọn đất hàng năm.

Năm 2013 cơ quan đo đạc đã tiến hành đo đạc. Ông D đã đăng ký kê khai diện tích đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên diện tích đất ông D được cấp thuộc quản lý của Công ty TNHH W (gọi tắt là Công ty) và chưa được bàn giao về cho địa phương nên ông D chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2020 gia đình ông Nguyễn Quang T đã tự ý đổ đất và dựng nhà trên đất của gia đình ông D. Ông D đã làm đơn yêu cầu UBND xã E giải quyết nhưng ông T không hợp tác.

Ông D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quang T phải tháo dỡ di dời toàn bộ căn nhà làm trên đất và trả lại diện tích đất 301,5 m² cho ông D.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Quang T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Trước đây gia đình ông Nguyễn Quang T được bà H B cho một số đất để làm kinh tế. Năm 2008 gia đình ông T đã dựng nhà trên phần đất gia đình bà H Bóp cho, tuy nhiên tại thời điểm dựng nhà, diện tích đất bà H B cho gia đình ông T thuộc đất của Lâm trường W quản lý. Sau đó ông T được Lâm trường đồng ý đổi cho mảnh đất thuộc khu đổi diện, việc chỉ đất do ông Trần V là trưởng phòng tổ chức của Công ty chỉ. Việc giao đất cho ông T không có giấy tờ gì.

Sau khi được giao đất gia đình ông T đã tiến hành đổ đất làm nhà trên đất cho đến năm 2020 ông Vũ Xuân D đến tranh chấp và cho rằng đất đó là của ông D, sau đó ông D đã làm đơn khởi kiện đối với ông T.

Ông T xác định diện tích đất này là của ông T và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Công ty TNHH W trình bày:*

Ông Vũ Xuân D trước đây là công nhân của Lâm trường W nay là Công ty TNHH W. Năm 1990 ông D có đơn xin được bố trí đất ở cho công nhân của Lâm trường. Đơn của ông D được Lâm trường chấp nhận và ông Vương Hoàng T2 phó giám đốc Lâm trường ký xác nhận nhưng chưa đóng dấu của Lâm trường. Năm 2010 theo yêu cầu của ông D Công ty mới đóng dấu vào chữ ký của ông Vương Hoàng T2 trong đơn xin cấp đất của ông D.

Về phần đất hiện nay giữa ông Vũ Xuân D và ông Nguyễn Quang T tranh chấp nằm trong phương án sử dụng đất của Công ty trả về cho địa phương quản lý, đã được UBND tỉnh Đ phê duyệt từ năm 2019, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay UBND tỉnh vẫn chưa có quyết định thu hồi để bàn giao cho địa phương, vì vậy diện tích đất tranh chấp vẫn đang thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH W.

Người liên quan ông Nguyễn Chí K: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhưng ông K vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông K.

** Lời khai của những người làm chứng:*

- Ông Vương Hoàng T2 trình bày: Trước đây ông T2 là phó giám đốc của Lâm trường W. Năm 1990 ông D là công nhân thuộc đội xung kích có đơn xin cấp đất làm nhà ở và được Lâm trường chấp nhận, ông T2 là người trực tiếp ký đơn xác nhận xin đất cho ông D. Diện tích đất hiện nay giữa ông D và ông T đang tranh chấp thuộc đất trước đây Lâm trường cấp cho ông D.

- Ông Trần V trình bày: Năm 2008 ông Nguyễn Quang T đến dựng nhà trái phép trên phần đất thuộc diện tích rừng muông thuộc rừng trồng do Xí nghiệp trồng rừng cây công nghiệp (gọi tắt là xí nghiệp) thuộc Lâm trường quản lý. Với tư cách là trưởng phòng tổ chức, nhận sự chỉ đạo của giám đốc xí nghiệp, ông V đã yêu cầu ông T tháo dỡ nhà xây dựng trái phép. Sau nhiều lần yêu cầu tháo dỡ, ông T không chấp hành nên Xí nghiệp đã yêu cầu lập biên bản, sau đó tiến hành cưỡng chế, tuy nhiên ông T vẫn cho rằng khu vực rừng muông do ông T quản lý. Sau đó ông Nguyễn A giám đốc xí nghiệp đã đồng ý cho ông T một lô đất đổi diện với khu vực giải tỏa để ông T làm nhà cho con. Tôi là người được phân công chỉ đất cho ông T, việc phân công cũng như chỉ đất cho ông T chỉ bằng lời nói và không có văn bản nào. Lô đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông D với ông T là lô đất do tôi trực tiếp chỉ cho ông T trước đây.

- Bà H Bóp Ksiu trình bày: Trước đây gia đình ông T vào xã E sinh sống. Do không có đất làm nên bà H B đã cho ông T một số đất để trồng hoa màu. Về thời gian cũng như diện tích đất bà H B cho gia đình ông T thì bà không nhớ. Về diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp giữa ông D với ông T có phải là diện tích đất trước đây bà cho ông T hay không bà H B không xác định được.

- Bà Ngô Thị H trình bày: Bà được biết ông D có một miếng đất ở thôn A giáp đường nhựa đi 303, Đông giáp đất vợ chồng N – S, Tây giáp đường nhựa đi 303, Bắc giáp đất tôi (đã chuyển nhượng cho H1 – T4), Nam giáp đất ông Lữ Văn T3. Quá trình sử dụng bà được biết đất được Công ty L1 cấp cho ông D, vì lý do có thời điểm bà đã ký giáp ranh cho ông D. Sau này bà chuyển nhượng cho H1 – T4 và có tranh chấp như thế nào thì bà không biết. Bà khẳng định đất trên là của ông D và đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DSST, ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 182, Điều 184, Điều 185, Điều 221, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân D.

Buộc ông Nguyễn Quang T phải tháo dỡ, di dời ra khỏi diện tích đất của ông D 01 căn nhà tường xây cao 1m, thưng tôn xung quanh, mái lợp tôn, nền láng xi măng diện tích 5,9m x 5,1m và 01 căn nhà nối liền tường xây 40 cm, thưng ván, mái trước lợp ngói, mái sau lợp tôn diện tích 7,9m x 5,9m. Đồng thời trả lại diện tích đất cho ông Vũ Xuân D.

Tạm giao cho ông Vũ Xuân D được quyền trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích 301,5m² đất thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 52 xã E. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Võ Văn S dài 6,40m;
- Phía Tây giáp đường đi tiểu đoàn 303 (hiện là quốc lộ B) dài 10,27m;
- Phía Nam giáp thửa 04 dài 35,93m;
- Phía Bắc giáp đất thửa 02 dài 37,54m.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Quang T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm, hủy toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DSST, ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 10/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 664/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DSST, ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Vũ Xuân D giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Quang T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xét thấy cấp sơ thẩm xác định sai án phí, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đảm bảo căn cứ giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk số 664/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 10/10/2023 và kháng cáo của ông Nguyễn Quang T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Quang T kháng cáo trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk làm trong hạn luật định, nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung khởi kiện của ông Vũ Xuân D, nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quang T và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất: Theo ông Vũ Xuân D trình bày thửa đất đang tranh chấp có diện tích 301,5 m², thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 52 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc là đất của Lâm trường W (Công ty TNHH W) quản lý. Năm 1990 ông D có đơn xin cấp đất làm nhà và được Lâm trường chấp nhận do ông Vương Hoàng T2 phó giám đốc Lâm trường ký duyệt việc cấp đất, tại thời điểm giao đất, khu vực này là đất rừng muông, kể từ thời điểm được giao đất ông D đã tiến hành trồng điều và dọn đất hàng năm. Năm 2013 cơ quan đo đạc đã tiến hành đo đạc, ông D đã đăng ký kê khai diện tích đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, có ký giáp ranh không có tranh chấp với các hộ liền kề. Năm 2020 gia đình ông Nguyễn Quang T đã tự ý đổ đất và dựng nhà trên đất của gia đình ông D, nên ông D đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Còn theo lời khai của ông Nguyễn Quang T cho rằng, nguồn gốc thửa đất trên là vào năm 2008 ông được

cán bộ Lâm trường (ông Trần V – Trưởng phòng tổ chức xí nghiệp) chỉ cho ông làm nhà, tuy nhiên việc chỉ đất chỉ bằng lời nói và không có văn bản nào, sau khi được chỉ đất ông đã đổ và sàn lấp đất, sau đó làm nhà ổn định không tranh chấp với ai, ngoài ra ông cho rằng việc giao đất cho ông D vào năm 1990 không có con dấu của Công ty L1, khác thời điểm ký và đóng dấu do đó giấy đó không có giá trị nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D. Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ cơ sở để xác định diện tích đất đang có tranh chấp có nguồn gốc từ đất của Lâm trường W (Công ty TNHH W) quản lý.

Xét lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc ký giấy xác nhận cấp đất vào ngày 25/3/1990 của ông Vương Toàn T5 cấp đất cho ông D là giấy tờ hợp lệ, đúng theo quy định về thẩm quyền, ngoài ra sau khi cấp đất, năm 2013 ông D đã tiến hành làm hồ sơ thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên, ông D đã ký giáp ranh, đóng mốc quản lý với các hộ có đất liền kề và được các hộ liền kề ký xác nhận. Việc chỉ đất của ông Trần V cho ông T theo sự chỉ đạo của Giám đốc xí nghiệp khi chưa xem xét, kiểm tra, rà soát khu đất sẽ giao cho ông T có đang được ai quản lý sử dụng hay không là thiếu sót, không đúng trình tự thủ tục về thẩm quyền. Ngoài ra, theo lời trình bày của ông T sau khi nhận đất ông T đã tiến hành đổ đất dựng nhà, tuy nhiên ông T không cung cấp được các tài liệu chứng cứ, chứng minh thể hiện trước thời điểm xảy ra tranh chấp có sự việc ông T có can thiệp sử dụng ổn định lâu dài đối với thửa đất trên, mà thực tế đến năm 2020 ông T mới tiến hành dựng nhà, do đó lời trình bày của ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì đây là tranh chấp quyền sử dụng đất, nên không xem xét giá trị đất, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định buộc ông T phải chịu 22.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, ông T chỉ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bên cạnh đó, ông T là người có công với cách mạng và thuộc trường hợp người cao tuổi (sinh năm 1956) nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Quang T phải tháo dỡ, di dời ra khỏi diện tích đất của ông D đồng thời trả lại diện tích đất cho ông D, tạm giao cho ông Vũ Xuân D được quyền trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích 301,5m² đất thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 52 xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quang T và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DSST, ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo, ông T là người có công với cách mạng và thuộc trường hợp người cao tuổi (sinh năm 1956) nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quang T; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DSST, ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 182, Điều 184, Điều 185, Điều 221, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân D.

Buộc ông Nguyễn Quang T phải tháo dỡ, di dời ra khỏi diện tích đất của ông D 01 căn nhà tường xây cao 1m, thưng tôn xung quanh, mái lợp tôn, nền lát xi măng diện tích 5,9m x 5,1m và 01 căn nhà nổi liền tường xây 40 cm, thưng ván, mái trước lợp ngói, mái sau lợp tôn diện tích 7,9m x 5,9m. Đồng thời trả lại diện tích đất cho ông Vũ Xuân D.

Tạm giao cho ông Vũ Xuân D được quyền trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích 301,5m² đất thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 52 xã E. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Võ Văn S dài 6,40 m;
- Phía Tây giáp đường đi tiểu đoàn 303 (hiện là quốc lộ B) dài 10,27m;
- Phía Nam giáp thửa 04 dài 35,93m;
- Phía Bắc giáp đất thửa 02 dài 37,54m.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Xuân D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 60AA/2021/0001372, ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quang T phải chịu 4.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản.

Ông Vũ Xuân D được nhận lại số tiền 4.000.000đ nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản sau khi thu được của ông Nguyễn Quang T.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Thuận